

Kinh tế Việt Nam đang ở đâu? (*)

PHẠM ĐỖ CHÍ & PHẠM QUANG ĐIỀU

Trong vòng 20 năm qua, nền kinh tế Việt Nam (VN) đã trên bước đường mở cửa và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Dự kiến, năm tới gia nhập WTO sẽ là bước cuối cùng để hội nhập thực sự vào cuộc chơi toàn cầu hoá. Câu hỏi lớn đặt ra là hành trang của VN khi đi vào cuộc chơi toàn cầu có những gì và những thử thách ở phía trước phải đối mặt sẽ ra sao? Sau gần hai thập niên thực hiện cải cách kinh tế dưới “Đổi mới” từ 1986, vài kết quả đã được chứng minh qua những con số thống kê và thảo luận khá đầy đủ trong nhiều tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước.

Đặc biệt là thu nhập tính theo đầu người đã tăng hơn gấp đôi từ mức 250 USD vào những năm 1985-86 lên mức ước tính khoảng 520 USD cho năm 2004. Nói chung và khách quan, đời sống kinh tế của đa số các tầng lớp dân chúng đã được cải thiện, thành phần thuộc lớp đói nghèo đã sút giảm đáng kể, và bộ mặt VN từ thôn quê ra thành thị được tương đối “lột xác” với các đường xá được sửa sang hay mới hoàn tất, nhiều ngôi nhà khang trang mới mọc ở các tỉnh hay các cao ốc ở những thành phố lớn, những công trình xây dựng qui mô như các khu công nghệ chế biến hay khu du lịch mang tầm vóc quốc tế đã có mặt ở nhiều vùng khác nhau.

Tuy nhiên trong một thế giới toàn cầu hóa, những tiến bộ của Việt Nam cần phải được đặt khung cảnh của một cuộc tranh đua, VN tiến trong khi thiên hạ cũng tiến, riêng trong khu vực Đông Á, có thể các nước láng giềng còn đi nhanh hơn. Có hai cách để phân tích. Thứ nhất, phân tích mổ xẻ những đặc điểm của bản thân để rút ra những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức có ý nghĩa quan trọng để tìm ra hướng đi phù hợp. Một cách khác để phân tích là so sánh bản thân và các đối thủ để biết được tương quan về lực lượng, những lợi thế và nguy cơ. Hiện nay, một vài vấn đề quan trọng cần đặt ra trong bối cảnh hội nhập là:

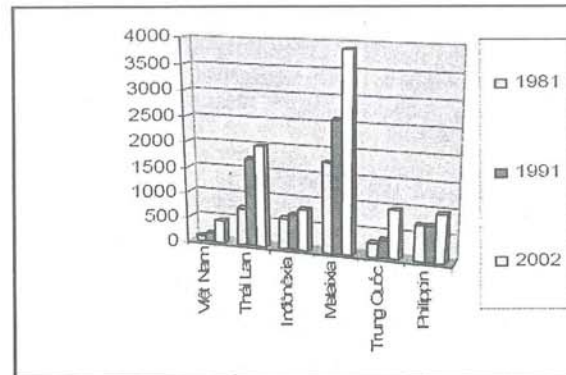
VN hiện ở đâu trong khu vực?

Trong gần 20 năm qua, Đổi mới đã đem lại những chuyển dịch cơ cấu kinh tế ra sao và những thách thức gì đang đặt ra trong bối cảnh hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu?

Hai hình 1 và 2 dưới đây giúp có vài ý niệm để trả lời hai câu hỏi trên.

Như đã nêu trên, kể từ khi đổi mới năm 1986, Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng về tăng trưởng và giảm đói nghèo. Mặc dù vậy, nếu nhìn vào cơ cấu kinh tế thì có những biểu hiện đáng lo ngại, với trên 60% lao động nông nghiệp và 70% dân số sống ở khu vực nông thôn nên về cơ bản Việt Nam vẫn còn là một quốc gia nông nghiệp. Nếu nói về

Hình 1. Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam và các nước trong khu vực các năm 1981, 1991, 2002.

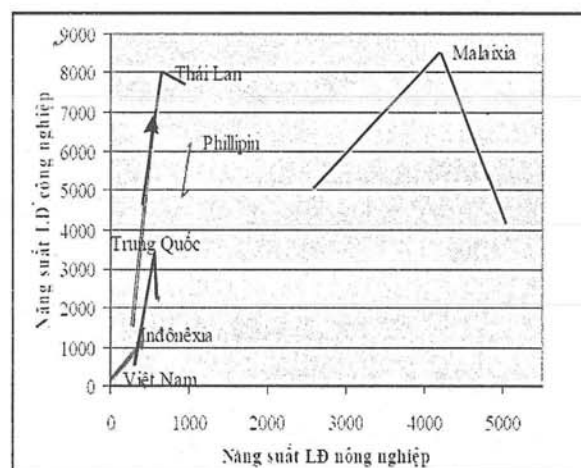


Nguồn: ADB, 1999; 2000; 2003.

mức sống, hình 1 chỉ rõ là thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn rất khiêm tốn so với khu vực. Hình trên cho thấy, hơn 20 năm trước Việt Nam có xuất phát điểm quá thấp và đã có những bước tiến ngoạn mục, hiện nay GDP/đầu người đạt chừng trên 500 USD, tuy nhiên mới gần ngang với các mức của Thái Lan, Indonesia, Malaysia những năm đầu thập kỷ 80. Hình trên cũng cho thấy một xu thế rớt đuôi và vượt lên của các nước trong khu vực. Trong khi Thái Lan, Malaysia có những bước tiến nhanh, thậm chí nhảy vọt để bứt lên phía trên thì Indonesia và Philippines có chiều hướng tăng chậm. Trung Quốc lại cho thấy khả năng vươn lên mạnh mẽ, thậm chí vượt qua Indonesia và Philippines về GDP/người mặc dù Trung Quốc có xuất phát điểm thấp hơn nhiều các nước này trong thập kỷ 80. Như vậy có thể thấy rằng, trong tiến trình phát triển luôn có những cơ hội để vượt lên, vấn đề nằm ở chỗ các nước có đi đúng hướng hay không?

Đi vào chi tiết hơn, năng suất lao động cũng thể hiện xu thế tụt hậu của VN. Có ý kiến cho rằng sản xuất nông nghiệp Việt Nam năm 60 và đến những năm đầu thế kỷ 21 vẫn ở quy mô nhỏ bé, manh mún. Vậy thì bài toán cạnh tranh và hội nhập sẽ vẫn còn là một thách thức lớn. Tính đến năm 2002, năng suất lao động Việt Nam trong ngành công nghiệp là khoảng trên 1.000 USD/người/năm và nông nghiệp dưới 500 USD/người/năm. Trong khi đó, đầu thập niên 80, Thái Lan có năng suất lao động nông nghiệp tương đương Việt Nam của năm 2002 nhưng năng suất công nghiệp đã gần 5.000 USD/người/năm. Hiện nay, năng suất công nghiệp của Thái

Hình 2. Năng suất lao động của Việt Nam và các nước (USD/lao động)



Ghi chú: Số liệu biểu hiện xu hướng phát triển giai đoạn 1981-1991-2002.
Nguồn: ADB, 2004.

Lan là xấp xỉ 8.000 USD/người/năm và nông nghiệp là gần 1.500 USD/người/năm.

Trong vòng 3 thập niên qua, có thể nói rằng khu vực Đông Á là nơi diễn ra các hoạt động kinh tế sôi động nhất, bắt đầu bằng sự tiếp nối Nhật Bản của các con rồng châu Á là Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Hồng Kông, tiếp theo là sự bứt phá của các nước Malaysia, Indonesia, Thái Lan và sự trỗi dậy của nhân tố Trung Quốc. Sự phát triển của những nước này, tạo nên sự năng động cho vùng, thay đổi cơ cấu phát triển, tạo ra những cơ hội phát triển mới về thị trường và hiệu ứng lan toả cũng như những thách thức về cạnh tranh và nguy cơ tụt hậu cho các nước trong vùng.

Về tiến trình phát triển, có thể chia các nước công nghiệp hoá Đông Á thành hai lớp. Nếu như lớp con rồng đặc biệt là Hàn Quốc, Đài Loan (Singapore và Hồng Kông có thể coi như hai thành phố) đã vượt lên tầm trên của mức độ phát triển, đã giải quyết cơ bản về chuyển đổi cơ cấu, khu vực nông nghiệp về lao động và tỷ trọng kinh tế không còn chiếm vị thế lớn trong nền kinh tế. Những nước này chuyển hướng phát triển sang công nghiệp và dịch vụ. Các nước như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines và Trung Quốc đang trong quá trình chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, khu vực nông nghiệp trong nền kinh tế còn lớn. Những nước này trong tiến trình công nghiệp hoá cũng phải xử lý mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, cũng phải đối mặt với những vấn đề của khu vực nông nghiệp, nông thôn như chuyển đổi cơ cấu kinh tế, rút lao động ra khỏi nông thôn... Những nước đi trước này là những kinh nghiệm quý báu để Việt Nam có thể học tập và rút ra những bài học cho bản thân.

Trong tiến trình phát triển hai thập niên vừa qua, có thể coi thời điểm quan trọng đối với các nước trong khu vực đó là khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997. Đây là một điểm mốc quan trọng, chứng tỏ rằng quá trình phát triển đi lên không phải là đường thẳng tuyến tính, mà gặp phải những thời điểm khó khăn, trở ngại và cả những bước ngoặt. Năm 1997 chính là một thử thách đối với năng lực và khả năng tự điều chỉnh và hấp thụ

cứ sức của các quốc gia trong khu vực. Thực tế cho thấy, những kết cục của "hậu khủng hoảng tài chính" đối với các quốc gia trong khu vực khác nhau, tùy thuộc vào những biện pháp kinh tế áp dụng, tuy nhiên về mặt bản chất, phụ thuộc vào chiến lược phát triển dài hạn, tức là chiến lược công nghiệp hoá trong đó mối quan hệ giữa công nghiệp-nông nghiệp là trung tâm.

Xu hướng phát triển hai thập niên qua cũng cho thấy những điểm thú vị về tiến trình phát triển. Indonesia đã có những bước tiến ngoạn mục trên con đường công nghiệp hoá trong suốt thập kỷ 80, lao động được thu hút mạnh sang khu vực công nghiệp. Như vậy vào thời điểm này Indonesia đã hoàn toàn có thể yên tâm để thúc đẩy mạnh công nghiệp. Tuy nhiên, định hướng chiến lược phát triển không vững chắc, nạn tham nhũng, bộ máy chính quyền và khu vực kinh doanh mọc nổi hình thành nên những nhóm đặc quyền đã dẫn đến những khoản đầu tư khổng lồ của Nhà nước vào các nhóm đặc quyền này nên khi khủng hoảng tài chính năm 1997 xảy ra đã làm cho nền kinh tế suy sụp, tiến trình phát triển bị chặn lại và còn có xu hướng đi xuống. Từ thập niên 80 đến 90, năng suất lao động công nghiệp của Indonesia tăng từ 500 lên trên 3.000 USD/người/năm, và năng suất nông nghiệp tăng từ trên 300 lên trên 700 USD/người/năm. Khủng hoảng năm 1997 làm cho công nghiệp đi thụt lùi, năng suất lao động công nghiệp giảm xuống trên 2.000 USD/người/năm và năng suất lao động trì trệ như mức trước đây.

Trong hơn hai thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, Trung Quốc đã tạo nên một câu chuyện thần kỳ về kinh tế, từ một nước bên bờ khủng hoảng, nghèo nàn lạc hậu, Trung Quốc liên tục đạt mức tăng trưởng GDP trên 9%/năm, vượt lên trở thành nền kinh tế đứng thứ 7 và thương mại đứng thứ 11 trên thế giới. Trung Quốc đã đạt được những thành công to lớn trong giảm đói nghèo, nâng cao thu nhập của đại bộ phận dân chúng, rút ngắn khoảng cách với thế giới và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên trong suốt giai đoạn vừa qua, sự phát triển nhanh của nền kinh tế cũng không giải quyết được triệt để lực lượng lao động dư thừa của khu vực nông thôn, và vấn đề này vẫn là một trong những thách thức lớn nhất mà Trung Quốc phải đối mặt.

Thực tế cho thấy Trung Quốc đã tiến rất nhanh trên con đường công nghiệp hoá, đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp, cơ cấu nền kinh tế chuyển mạnh từ hoạt động nông nghiệp sang hướng công nghiệp và dịch vụ. Giai đoạn 1980-2000, GDP nông nghiệp giảm từ 35% xuống còn 16%, GDP công nghiệp tăng từ 40% lên 44%. Tuy nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, khu vực công nghiệp tăng trưởng rất nhanh, song cũng không đủ khả năng rút được một lực lượng lao động lớn ra khỏi khu vực nông nghiệp. Vấn đề tạo việc làm và tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn sẽ tiếp tục là một thách thức của Trung Quốc trong vòng một hai thập niên tới ■

(*) Trích tham luận "Kinh tế Việt Nam từ đổi mới đến hội nhập" tại Hội thảo Hà - Đà Nẵng 28-30.7.2005